

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 30: từ ngày 03/03/2025 đến ngày 09/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Pháp luật (Nga) 2	GDTC (Thúy) 4		Tin học (Hà) 4
					Tiếng anh (Linh) 4	
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 GD chính trị (Thắm) 3	Tiếng anh (Linh) 2 Pháp luật (Nga) 2	GDTC (Thúy) 4		Tin học (Hà) 4
					Tiếng anh (Linh) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.203	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Cây ăn quả (Hương) 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 3	Cây ăn quả (Hương) 3	Kiểm dịch TV (Lịch) 3	
CNTY63A3 P.301	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Ngoại sản (Lệ) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	KT thịt và các SP khác (Quyên) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	
CNTY63A4 P.205	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Ngoại sản (Hưng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3	Ngoại sản (Hưng) 3	KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 3	
KTDN63A P.204	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	Tin học kế toán (Mai) 3	Kiểm toán (Hoa) 3	THKT trong DNSX (T.Thảo) 3	
CNTT63A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 SD các thiết bị VP (Trường) 3	SD các thiết bị VP (Trường) 3	QTHT Web và Mail Server (Hà) 3	QTHT Web và Mail Server (Hà) 3	
CNTT63A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Đồ họa ứng dụng (Quang) 3	QTHT Web và Mail Server (Hà) 3	SD các thiết bị VP (Trường) 3	Đồ họa ứng dụng (Quang) 3	

TT64A1 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 3	Côn trùng đại cương (Lịch)	3	Khuyến nông (Thọ)	4	Côn trùng đại cương (Lịch)	4	Hóa BVTV (Hương)	4
	Chiều	Khuyến nông (Thọ)	4								
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 3	KTTG (Quyên)	3	Dược lý thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (Hằng)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4
	Chiều	CĐ và ĐTH thú y (Vân)	4								
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Giống vật nuôi (H.Nga)	1 3	VSV - TN (Hòa)	3	KTTG (Quyên)	4	CĐ và ĐTH thú y (Lệ)	4	Giống vật nuôi (H.Nga)	4
	Chiều	VSV - TN (Hòa)	4								
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Giáo dục QP - AN (Mạnh)	1 3	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4								
KTDN64A2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp KTDN 1 (T. Thảo)	1 3	Luật kinh tế (Huyền)	3	Soạn thảo VB (Nga)	4	Tài chính DN (Thúy)	2	KTDN 1 (T. Thảo)	4
	Chiều	KTDN 1 (T. Thảo)	4	Tài chính DN (Thúy)	2			Nguyên lý Marketing (Sơn)	2		
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Lập trình cơ bản (Thảo)	1 3	Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	GDTC (Quang)	4
	Chiều										
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	1 3	GDTC (Quang)	4	Mạng máy tính (Quang)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Mạng máy tính (Quang)	4
	Chiều										
ĐCN63A1 P.A102	Sáng										
	Chiều			Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4		
ĐCN63A2 P.A103	Sáng										
	Chiều			Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4		
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Tuấn)	1 3	Truyền động điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Máy điện (Tuấn)	4
	Chiều	Tiếng anh (Linh)	4								
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Máy điện (Giáp)	1 3	Máy điện (Giáp)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Máy điện (Giáp)	4	Truyền động điện (Nga)	4
	Chiều	Tiếng anh (K.Nhung)	4								

ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp Truyền động điện (Hòa)	1 3	Đo lường điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Phiên)	4	Đo lường điện (Tuấn)	4	Tiếng anh (Phiên)	4
	Chiều										
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều			Cung cấp điện (Huân)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật ĐKTD (Dương)	4		
ĐCN64B	Sáng	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4	Truyền động điện (Hòa)	4	Máy điện (Huân)	4	Máy điện (Huân)	4
	Chiều										
TL63	Sáng										
	Chiều			VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	4	Máy đóng cửa van (N.Đức)	4	VH máy bơm li tâm và hỗn lưu (Hoà)	4		
TL64B	Sáng	Trắc địa (N.Đức)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Vẽ KT thủy lợi (Huyền)	4	Trắc địa (N.Đức)	4	Thủy văn (Hòa)	4
	Chiều										
KTDN63B	Sáng										
	Chiều	Tin học kế toán (Mai)	4	THKT trong DNSX (Dung)	4	Kế toán HCSN (T.Thảo)	4	Tin học kế toán (Mai)	4		
KTDN64B	Sáng	Tài chính DN (Dung)	4			Lý thuyết KT (T.Thảo)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4	Kinh tế vi mô (Mai)	4
	Chiều	Tài chính DN (Dung)	4								
CBBQ63	Sáng										
	Chiều			KT chất lượng TS (Năm)	3	CB khô thủy sản (Liên)	3	KT chất lượng TS (Năm)	3		
CBBQ64	Sáng	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4	VSXN chế biến TS (Liên)	4	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4	VSXN chế biến TS (Liên) Bao bì thực phẩm (Liên)	2 2	CB đồ hộp thủy sản (Năm)	4
	Chiều										
ĐKTB63	Sáng										
	Chiều	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	La bàn từ (Trung)	3	Tiếng anh CN hàng hải (T.Nhung)	3	La bàn từ (Trung)	3		
KTMTT63	Sáng										
	Chiều			Xử lý các sự cố D.TT (Đồng)	4	Xử lý các sự cố D.TT (Đồng)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Tiến)	4		

KTM TT64	Sáng	Tiếng anh chuyên ngành A1 (T.Nhung)	4	Tiếng anh chuyên ngành A1 (T.Nhung)	4	Cơ kỹ thuật (N.Đức)	4	MT và bảo vệ MT thủy (Ánh)	4	Vật liệu máy tàu thủy (Tiến)	4	
	Chiều											
NTTS64	Sáng	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4	DD thức ăn trong NTTS (Năm)	4	QLCL nước trong nuôi TS (Ánh)	4	
	Chiều											
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN												
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật		
TT63A2 P.101	Sáng					Sinh hoạt lớp Kiểm dịch TV (Lịch)	1 4	Cây ăn quả (Bình)				4
	Chiều					Kiểm dịch TV (Lịch)	4	Cây ăn quả (Bình)				4
TT64A2	Sáng	Hóa BVTV (Huệ)				Sinh hoạt lớp Khuyến nông (Thọ)	1 4	Bệnh cây đại cương (Lịch)				4
	Chiều					Hóa BVTV (Huệ)	4	Bệnh cây đại cương (Lịch)				4
TT64A3 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)				Sinh hoạt lớp Sinh lý TV (Bình)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung)				4
	Chiều					Sinh lý TV (Bình)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)				4
CN63A2 P.102	Sáng					Sinh hoạt lớp KT thịt và các SP khác (Phượng)	1 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên)				4
	Chiều					KTNPTB cho gà vịt (Duyên)	4	Ngoại sản (Lệ)				4
CN64A2 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm)				Sinh hoạt lớp GP sinh lý vật nuôi (H.Nga)	1 4	Tiếng anh (K.Nhung)				4
	Chiều					Giống vật nuôi (Hằng)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)				4



Lê Hoàng Bá Huyền

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 30: từ ngày 03/03/2025 đến ngày 09/03/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng		GDKT và PL (Quyên) (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) (Ôn tập)	Địa lý (Thúy) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 4
	Chiều		Ngữ văn (Hằng) 4	Toán (Nhưng) (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) (Ôn tập)	
VH62B4	Sáng	Địa lý (Thúy) 4		GDKT và PL (Quyên) (Ôn tập)	Toán (Nhưng) (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) (Ôn tập)
	Chiều		HDTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Hà) (Ôn tập)	
VH62B5 P.104	Sáng		Ngữ văn (Hằng) (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4	GDKT và PL (Quyên) 2 Lịch sử (Dự) 2	Lịch sử (Dự) Sinh học (Phượng)
	Chiều		Lịch sử (Dự) (Ôn tập)	Địa lý (Ngọc) (Ôn tập)	Toán (Quý) (Ôn tập)	
VH63B1	Sáng		Vật lý (Hòa) 4	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Hà)
VH63B3 P.203	Sáng	HDTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 3	Ngữ văn (Hương) 4	Địa lý (Chung) 2 Hóa học (Hà) 2	Toán (Thảo) 4	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quế) 2
	Sáng		Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Sinh học (Phượng) 2 Địa lý (Chung) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Vân) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Hóa học (Vân) 2
VH63B4 P.205	Sáng		Lịch sử (Dự) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Sinh học (Phượng) 2 Địa lý (Chung) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Vân) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Hóa học (Vân) 2
VH63B5 P.A101	Sáng	HDTN (Quế) 1 GDKT và PL (Quế) 3	Hóa học (Hà) 2 Lịch sử (Dự) 2	Toán (Trang) 4	GDKT và PL (Quế) 2 Địa lý (Thúy) 2	Ngữ văn (Hương) 4
	Sáng	HDTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 3	Toán (Trang) 4	Hoá học (Vân) 2 Vật lý (Hòa) 2	Ngữ văn (Hương) 4	Địa lý (Nhài) 4
VH63B7 P.301	Sáng		Ngữ văn (H.Hà) 2 Toán (Quý) 2	Vật lý (Hòa) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Nhài) 2 Toán (Quý) 2	Toán (Quý) 2 Lịch sử (Dự) 2

VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) Vật lý (Hòa)	1 3	GDKT và PL (Quế) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hương)	4	Lịch sử (Dự) Địa lý (Nhài)	2 2	Toán (Thảo)	4
VH64B1	Chiều			Địa lý (Thủy)	4	GDKT và PL (Đ.Thủy) Ngữ văn (Hằng)	2 2	Toán (Hương)	4	Lịch sử (Hà)	4
VH64B2 P.306	Chiều			Sinh học (Hồng) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hóa học (Vân)	2 2	Toán (Trang)	4		
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) Hoá học (Vân)	1 3	Lịch sử (Nhưng) Vật lý (Hòa)	2 2	Ngữ văn (Hương) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (Hương) Lịch sử (Nhưng)	2 2		
VH64B4 P.A101	Chiều			Hóa học (Hà) CĐ GDKT và PL (Tài)	2 2	Toán (Trang)	4	Vật lý (Vân) Ngữ văn (Hương)	2 2	Lịch sử (Nhưng)	4
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) Vật lý (Hoà)	1 3	GDKT và PL (Thắm) Hóa học (Hà)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4	Lịch sử (Nhưng) CĐ Vật lý (Hoà)	2 2	Toán (Trang)	4
VH64B6 P.103	Chiều			Toán (Quý)	4	Sinh học (Phượng) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (H.Hà)	2 2		
VH64B7 P.101	Chiều			Địa lý (Chung) CĐLC Địa lý (Chung)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Thảo)	4		
VH64B8 P.102	Chiều			Toán (Trang)	4	Sinh học (Hồng) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Địa lý (Chung) CĐLC Địa lý (Chung)	2 2	Ngữ văn (Lý)	4



Lê Hoàng Bá Huyền